

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

- Tên học phần: Tiếng Anh 2
- Mã số học phần: 10081
- Số tín chỉ học phần : 3 tín chỉ
- Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Bậc Đại học Chính quy, các lớp không chuyên Anh.
- Số tiết học phần:
  - Lên lớp: 45 tiết
  - Sinh viên tự học: 135 giờ
- Môn học trước: Tiếng Anh 1

**2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

CO1. Về kiến thức: Dựa trên giáo trình chính, mỗi bài học tập trung vào các chủ điểm khác nhau nhằm giúp sinh viên dễ tiếp cận và vận dụng kiến thức và các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao theo giúp sinh viên củng cố về ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe, đọc hiểu về các lĩnh vực phổ biến trong cuộc sống. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên tối ưu hóa tiềm năng của bản thân, sách tập trung vào vai trò quan trọng của việc thực hành. Đặc biệt, học phần này đảm bảo sinh viên thực sự có thể sử dụng ngôn ngữ đã học vào trong thực tiễn, củng cố phát âm, nhấn âm và ngữ điệu.

CO2. Về kỹ năng: Dựa vào các nội dung chính trong giáo trình, từng bài học tập trung vào các chủ điểm khác nhau nhằm phát triển bốn kỹ năng Nói, Nghe, Đọc, và Viết cho người học. Rèn luyện kỹ năng nghe đúng ngữ pháp tiếng Anh và ngữ cảnh. Viết các cấu trúc câu tiếng Anh căn bản, kỹ năng sử dụng từ ngữ và các kiến thức nền tảng áp dụng vào các bài tập thực hành hội thoại tiếng Anh.

**3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

- Kiến thức:

Chuẩn Đầu Ra	Nội dung	Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra

Học Phần		Chương Trình Đào Tạo
CELO1	<p>Từ vựng: các từ vựng về các nơi chốn trong thành phố, các bộ phận trên cơ thể người. Ngữ pháp: there is/ there are. Phát âm: đọc nối nguyên âm và phụ âm. Đọc: bài đọc “I love it ... but what is it?”.</p>	LO1, LO2
CELO2	<p>Từ vựng: các từ vựng về phòng ốc và đồ nội thất trong nhà. Ngữ pháp: giới từ chỉ nơi chốn. Phát âm: nhấn câu. Nói: các mẫu câu thông dụng để kiểm tra thông tin, hỏi và chỉ đường, thực hiện hội thoại hỏi và chỉ đường. Hệ thống lại kiến thức SV đã được học ở unit 5 và 6.</p>	
CELO3	<p>Từ vựng: các từ về chủ đề “celebrities”, các tháng trong năm và số thứ tự. Ngữ pháp: thì quá khứ đơn với động từ Tobe (was, were). Phát âm: cách đọc nối các nguyên âm với phụ âm đi liền nhau. Nghe: nghe các ngày trong tháng, nghe video về “Shakespeare and the theater”.</p>	
CELO4	<p>Từ vựng: các từ/ cụm từ chỉ thời gian trong quá khứ như năm, thập niên, “ago”, “last”. Ngữ pháp: thì quá khứ đơn với động từ hợp qui tắc. Phát âm: cách phát âm các từ tận cùng bằng “ED”. Viết: cách sử dụng các từ về trình tự như “first, then, after that...”, viết email kể về một ngày cuối tuần thú vị của mình.</p>	
CELO5	<p>Từ vựng: các từ vựng về chủ đề “travel”, “weather and seasons”, các</p>	

	<p>trạng từ bỏ nghĩa. Ngữ pháp: thì quá khứ đơn với động từ bất qui tắc. Phát âm: cách phát âm một số động từ bất qui tắc. Đọc: kĩ năng đọc-hiểu ý chính, bài đọc “Travel news”.</p>	
CELO6	<p>Từ vựng: các từ vựng về chủ đề “Nature”. Ngữ pháp: there was/ there were. Phát âm: cách nhấn câu. Nói: những mẫu câu thông dụng để bắt đầu và kết thúc một cuộc nói chuyện qua điện thoại ở công sở, những mẫu câu thông dụng để mua vé. Hệ thống kiến thức: ngữ pháp, từ vựng, phát âm, 4 kĩ năng nghe-nói-đọc-viết của unit 7 và unit 8.</p>	
CELO7	<p>Từ vựng: các động từ về trang phục, cảm xúc. Ngữ pháp: thì hiện tại tiếp diễn. Phát âm: cách phát âm các động từ thêm “ing”. Nghe: các từ đệm trong câu, nghe video về chủ đề “How our clothes affect how we feel”.</p>	
CELO8	<p>Từ vựng: các từ vựng về chủ đề “shopping”. Ngữ pháp: “How often” đi với trạng từ chỉ sự thường xuyên. Phát âm: cách nhấn câu. Viết: cách mô tả một bức ảnh và vị trí của người/ vật trong ảnh, viết email mô tả một bức ảnh.</p>	
CELO9	<p>Từ vựng: các từ vựng về chủ đề “Free-time activities” và “Types of music and movies”. Ngữ pháp: thì hiện tại tiếp diễn để chỉ một hành động trong tương lai. Phát âm: nhấn câu. Đọc: kĩ thuật “scanning” trong đọc-hiểu, bài đọc “What’s on?”.</p>	

**- Kỹ năng:**

<b>Chuẩn Đầu Ra</b>  <b>Học Phần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra</b>  <b>Chương Trình Đào Tạo</b>
CELO10	SV biết nghĩa và sử dụng được các từ vựng về các nơi chốn trong thành phố, các bộ phận trên cơ thể người. SV biết cách sử dụng, làm bài tập và đặt câu với there is/ there are. SV có thể kết hợp kiến thức ngữ pháp và từ vựng để giao tiếp các đoạn hội thoại ngắn. SV hiểu được nội dung bài đọc và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài.	LO4, LO5  LO6, LO7  LO8, LO8  LO10
CELO11	SV nhận biết và sử dụng được các từ vựng về về phòng ốc và đồ nội thất trong nhà. SV biết cách nhấn câu. SV biết nghĩa, cách sử dụng và đặt câu với các giới từ chỉ nơi chốn, có thể dung các giới từ này để thực hiện các bài nói hay đoạn hội thoại ngắn. SV có thực hiện đoạn hội thoại về nội dung kiểm tra thông tin. Sv có thể thực hiện đoạn hội thoại đóng vai người hỏi và chỉ đường. Sv có thể hệ	

	<p>thống lại kiến thức SV đã được học ở unit 5 và 6 và giải được các bài tập trong giáo trình.</p>	
CELO12	<p>SV nhận biết và sử dụng được thì quá khứ đơn với động từ Tobe (was, were). SV biết cách đọc nối các nguyên âm với phụ âm đi liền nhau. SV biết nghĩa và cách sử dụng các từ về chủ đề “celebrities”. SV thuộc các tháng trong năm và số đếm. SV có thể nghe và nói được các ngày bất kì trong năm. SV có thể nghe-hiểu được video và trả lời được các câu hỏi liên quan.</p>	
CELO13	<p>SV nhận biết và sử dụng được các từ/ cụm từ chỉ thời gian trong quá khứ như năm, thập niên, “ago”, “last”...SV biết cách sử dụng thì quá khứ đơn với động từ hợp qui tắc. SV có thể kết hợp kiến thức ngữ pháp và từ vựng để đặt câu hoặc giao tiếp các đoạn hội thoại ngắn. SV phát âm đúng các từ tận cùng bằng “ED”. SV có thể viết email kể về một ngày cuối tuần thú vị của mình trong đó sử dụng các từ trình tự</p>	

	như “first, then, after that....” một cách hợp lí.	
CELO14	SV biết nghĩa và sử dụng được các từ vựng về chủ đề “travel”, “weather and seasons”, các trạng từ bổ nghĩa. SV nhận biết, làm bài tập và đặt được câu sử dụng thì quá khứ đơn với động từ bất qui tắc. SV phát âm đúng các động từ bất qui tắc thông dụng. Sv hiểu được ý chính bài đọc và trả lời được các câu hỏi liên quan.	
CELO15	SV biết nghĩa và sử dụng được các từ vựng về chủ đề “Nature”. SV biết cách nhấn câu. SV biết cách sử dụng và đặt câu với there was/ there were. SV nắm được và vận dụng được những mẫu câu thông dụng để bắt đầu và kết thúc một cuộc nói chuyện qua điện thoại ở công sở. SV có thể thực hiện bài hội thoại đóng vai người mua vé và bán vé. Sinh viên nắm được các kiến thức đã học ở Unit 7 và 8 và có thể vận dụng chúng để hoàn thiện các kĩ năng và làm được các bài tập trong sách.	
CELO16	SV biết nghĩa và sử dụng	

	<p>được các động từ về trang phục, cảm xúc. SV nắm được cấu trúc và đặt được câu với thì hiện tại tiếp diễn. SV phát âm đúng các động từ thêm “ing”. SV nghe- hiểu được video về chủ đề “How our clothes affect how we feel” và trả lời được các câu hỏi liên quan.</p>	
CELO17	<p>SV biết nghĩa và sử dụng được các từ vựng về chủ đề “shopping”. SV nhận biết, làm bài tập và đặt được câu với “How often” đi với trạng từ chỉ sự thường xuyên. SV biết cách mô tả một bức ảnh và vị trí của người/ vật trong ảnh.</p>	
CELO18	<p>Sv có thể viết email mô tả một bức ảnh.</p>	
CELO19	<p>SV biết nghĩa và sử dụng được các từ vựng về chủ đề “Free-time activities” và “Types of music and movies”. SV nhận biết, làm bài tập và đặt được câu với thì hiện tại tiếp diễn để chỉ một hành động trong tương lai. SV biết được kĩ thuật “scanning” trong đọc-hiểu, vận dụng được nó để đọc-hiểu bài</p>	



	đọc “What’s on?” và làm được bài tập liên quan.	
CELO20	Kỹ năng giao tiếp	
CELO21	Kỹ năng làm việc nhóm	
CELO22	Kỹ năng thuyết trình	

**- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Chuẩn Đầu Ra Học Phần	Nội dung	Đáp ứng Chuẩn Đầu Ra Chương Trình Đào Tạo
CELO23.	Chuẩn bị bài và đọc tài liệu trước khi đến lớp	LO11, LO12
CELO24.	Tổng hợp nội dung đã học sau khi kết thúc mỗi chương	LO13, LO14 LO15, LO16
CELO25.	Tuân thủ theo các yêu cầu của giảng viên và của nhà trường	
CELO26.	Không có hành vi gian dối trong quá trình học như sao chép, đạo văn	

**4. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN:**

**4.1. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần gồm 05 bài, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, bài khóa (đối thoại, bài đọc), bài đọc hiểu, các mẫu câu để thực hành nghe – nói, bài đọc hiểu mở rộng cung cấp kiến thức liên quan đến bài học hoặc chủ đề có liên quan. Mỗi bài còn có bài tập tự học đi kèm giúp cho người học có thể ôn tập lại, củng cố bài đã học trên lớp.

**4.2. Nội dung học phần:**

STT	Nội dung	Số tiết				TL TH	CĐR	Lưu ý
		TC	LT	BT	TH			
1.	Places +6A. City or town ?	4	2	2		12	CELO1	

	+6B. City art						CELO10 CELO19 CELO22 CELO23
2.	<b>Places (cont)</b> - Review and practice Unit 5 and 6 +6C. An unusual home +6D. Is there a post office near here?	4	2	2		12	CELO2 CELO11 CELO19 CELO22 CELO23
3.	<b>All in the past</b> +7A. When they were young +7B. I was there in July	4	2	2		12	CELO3 CELO12 CELO19 CELO22 CELO23
4.	<b>All in the past (cont)</b> +7C. Famous decades +7D. A weekend away	4	2	2		12	CELO4 CELO13 CELO19 CELO22 CELO23
5.	<b>Travel</b> +8A. Incredible trips +8B. Crazy weather !	4	2	2		12	CELO5 CELO14 CELO19 CELO22 CELO20 CELO23 CELO25 CELO24
6.	<b>Travel (cont)</b> -Review and practice Unit 7 and 8 +8C. Then and now	4	2	2		12	CELO6 CELO15 CELO19



	+8D. A trip to Canada						CELO22 CELO20 CELO23 CELO25 CELO24	
7.	<b>Shopping</b> +9A. Street style +9B. How do you feel ?	4	2	2		12	CELO7 CELO16 CELO19 CELO22 CELO20 CELO23 CELO25 CELO24	
8.	<b>Shopping (cont)</b> +9C. Love it or hate it? +9D. Garage sale	4	2	2		12	CELO8 CELO17 CELO19 CELO22 CELO20 CELO23 CELO25 CELO24	
9	<b>Time out</b> +10A. What are you doing on the weekend ? +10B. What's on ? <b>Time out (cont)</b> <b>--Review and practice Unit 9 and 10</b> +10C. Royal hobbies +10D. Where are we going now?	4	2	2		12	CELO9 CELO18 CELO19 CELO22 CELO20 CELO23 CELO25 CELO24	

### 5. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết;
- Thực hiện đầy đủ các bài tập, kỹ năng, thực hành và được đánh giá kết quả thực hiện;
- Tham dự kiểm tra trên học kỳ;
- Tham dự thi kết thúc học phần;
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN:

### 6.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	80% tổng số tiết	10%	CO2
2	Điểm bài tập	80% tổng số bài tập được giao	10%	CO1
3	Điểm kỹ năng - thực hành	80% các kỹ năng và thực hành	10%	CO1, CO2
4	Điểm kiểm tra quá trình	Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng, ....	10%	CO1, CO2
5	Điểm thi kết thúc học phần	Đánh giá qua các tiêu chí (công khai) bao gồm: thông tin về kiến thức trọng tâm, kiến thức sâu, kiến thức mở rộng....	60%	CO1, CO2

### 6.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

### 7.1. Giáo trình chính:

[1] Graham Fruen, *Personal Best A1-B Beginner (Student's Book and Workbook combined edition)*, Vietnam News Agency Publishing House.

### 7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Michael Swan, *Basic English Usage*, Oxford University Press

[3] Christina Latham Koenig, Clive Oxenden & Paul Seligson, *American English File (Second Edition)*, Oxford

[4] Miles Craven, *Breakthrough (Second Edition)*, Macmillan

### 7.3. Tài liệu trực tuyến:

[https://drive.google.com/open?id=1AwNiJHmzriCVAwn8NNwwID9vv11UC\\_w8](https://drive.google.com/open?id=1AwNiJHmzriCVAwn8NNwwID9vv11UC_w8)

[https://drive.google.com/open?id=1\\_cOUr5KPSy\\_fyNW7D5T0zRbKQTIFZ-bN](https://drive.google.com/open?id=1_cOUr5KPSy_fyNW7D5T0zRbKQTIFZ-bN)

[https://drive.google.com/open?id=1S\\_TyfjZ-qQEzrb4XFPXZrSpuks81aZYn](https://drive.google.com/open?id=1S_TyfjZ-qQEzrb4XFPXZrSpuks81aZYn)

<https://drive.google.com/open?id=1k7hH0jWyNo-ABH7hiCBS8l37n-VU5Eb0>

[https://drive.google.com/open?id=1BFyTdyPTsw-\\_RzEFVdXf6Hwoo7zmFojk](https://drive.google.com/open?id=1BFyTdyPTsw-_RzEFVdXf6Hwoo7zmFojk)

<http://luyenthianhvan.org> ;

<http://www.chompchomp.com> ;

<http://www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/index.shtm1>

## 8. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP:

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết.

## 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi/Tiết	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên	Tài liệu/ Giáo trình		Ghi chú (nội dung tự học)
				Chính	Tham khảo	
1 (4 tiết)	<b>Bài 6. Places</b>  +6A. City or town ? +6B. City art	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ,	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập	[1] Unit 6- Personal Best A2- textbook	[2] Basic English Usage - Michael Swan	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>bài tập,</li> <li>hoạt động</li> <li>- Hướng dẫn luyện tập</li> <li>- Tổ chức trò chơi</li> <li>- Đánh giá</li> <li>- Tổng kết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia hoạt động</li> </ul>			
2 (4 tiết)	<b>Bài 6. Places (cont)</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Review and practice Unit 5 and 6</li> <li>+6C. An unusual home</li> <li>+6D. Is there a post office near here?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu bài</li> <li>- Trình chiếu</li> <li>- Giảng giải</li> <li>- Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động</li> <li>- Hướng dẫn luyện tập</li> <li>- Tổ chức trò chơi</li> <li>- Đánh giá</li> <li>- Tổng kết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thực hành luyện tập</li> <li>- Làm bài tập</li> <li>- Tham gia hoạt động</li> </ul>	[1] Unit 6- Personal Best A2- textbook	[2] Basic English Usage - Michael Swan	
3 (4 tiết)	<b>Bài 7. All in the past</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+7A. When they were young</li> <li>+7B. I was there in July</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu bài</li> <li>- Trình chiếu</li> <li>- Giảng giải</li> <li>- Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động</li> <li>- Hướng dẫn luyện tập</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thực hành luyện tập</li> <li>- Làm bài tập</li> <li>- Tham gia hoạt động</li> </ul>	[1] Unit 7- Personal Best A2- textbook	[2] Basic English Usage - Michael Swan	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>tập</li> <li>- Tổ chức trò chơi</li> <li>- Đánh giá</li> <li>- Tổng kết</li> </ul>				
<b>4</b> <b>(4 tiết)</b>	<b>Bài 7. All in the past</b> <b>(cont)</b> +7C. Famous decades +7D. A weekend away	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu bài</li> <li>- Trình chiếu</li> <li>- Giảng giải</li> <li>- Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động</li> <li>- Hướng dẫn luyện tập</li> <li>- Tổ chức trò chơi</li> <li>- Đánh giá</li> <li>- Tổng kết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thực hành luyện tập</li> <li>- Làm bài tập</li> <li>- Tham gia hoạt động</li> </ul>	[1] Unit 7- Personal Best A2- textbook	[2] Basic English Usage - Michael Swan	
<b>5</b> <b>(4 tiết)</b>	<b>Bài 8. Travel</b> +8A. Incredible trips +8B. Crazy weather !	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu bài</li> <li>- Trình chiếu</li> <li>- Giảng giải</li> <li>- Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động</li> <li>- Hướng dẫn luyện tập</li> <li>- Tổ chức trò chơi</li> <li>- Đánh giá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thực hành luyện tập</li> <li>- Làm bài tập</li> <li>- Tham gia hoạt động</li> </ul>	[1] Unit 8- Personal Best A2- textbook	[2] Basic English Usage - Michael Swan	

		- Tổng kết				
6 (4 tiết)	<b>Ôn tập</b> <b>Kiểm tra giữa kì</b>	- Cùng cô kiến thức - Đưa ra bài kiểm tra	- Ghi chú - Làm bài kiểm tra	[1] Unit 6, 7		
7 (4 tiết)	<b>Bài 8. Travel (cont)</b> <b>-Review and practice</b> <b>Unit 7 and 8</b> +8C. Then and now +8D. A trip to Canada	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động	[1] Unit 8- Personal Best A2- textbook	[2] Basic English Usage - Michael Swan	
8 (4 tiết)	<b>Bài 9. Shopping</b> +9A. Street style +9B. How do you feel ?	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động	[1] Unit 9- Personal Best A2- textbook	[2] Basic English Usage - Michael Swan	

		trò chơi - Đánh giá - Tổng kết				
9 (4 tiết)	<b>Bài 9. Shopping (cont)</b> +9C. Love it or hate it? +9D. Garage sale	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động	[1] Unit 9- Personal Best A2- textbook	[2] Basic English Usage - Michael Swan	
10 (4 tiết)	<b>Bài 10. Time out</b> +10A. What are you doing on the weekend ? +10B. What's on ? <b>Time out (cont)</b> <b>--Review and practice</b> <b>Unit 9 and 10</b> +10C. Royal hobbies +10D. Where are we going now?	- Giới thiệu bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết	- Lắng nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động	[1] Unit 10- Personal Best A2- textbook	[2] Basic English Usage - Michael Swan	
11	<b>Bài 10. Time out (cont)</b>	- Giới thiệu	- Lắng	[1] Unit	[2]	

(5 tiết)	<b>--Review and practice</b> <b>Unit 9 and 10</b> +10C. Royal hobbies +10D. Where are we going now? <b>Ôn tập</b> <b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	bài - Trình chiếu - Giảng giải - Giao nhiệm vụ, bài tập, hoạt động - Hướng dẫn luyện tập - Tổ chức trò chơi - Đánh giá - Tổng kết - Cùng cố kiến thức - Đưa ra bài kiểm tra	nghe - Ghi chép - Thực hành luyện tập - Làm bài tập - Tham gia hoạt động - Ghi chú - Làm bài kiểm tra	10- Personal Best A2- textbook Unit 7, 8, 9, 10	Basic English Usage - Michael Swan	
----------	--	--	---	---	--	--

### 10. THI KẾT THÚC HỌC PHẦN:

- **Thời gian:** Theo lịch thi chung của trường
- **Hình thức thi:** bài thi vấn đáp, khoảng 5 phút/sinh viên

### 11. DỰ KIẾN DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

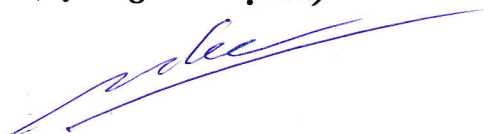
1. ThS. Nguyễn Minh Triết
2. TS. David Perkins

### 12. THÔNG TIN LIÊN HỆ

- Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Cơ Bản – Trường Đại học Phan Thiết
- Giảng viên phụ trách: ThS. Lê Anh Linh
- Email: lalinh@upt.edu.vn
- Điện thoại: 0938 734 350

**Trưởng khoa**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



Ngày 20 tháng 9 năm 2019

**Người biên soạn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



ThS. Lê Anh Linh

ThS. Từ Thị Tuyết Vy